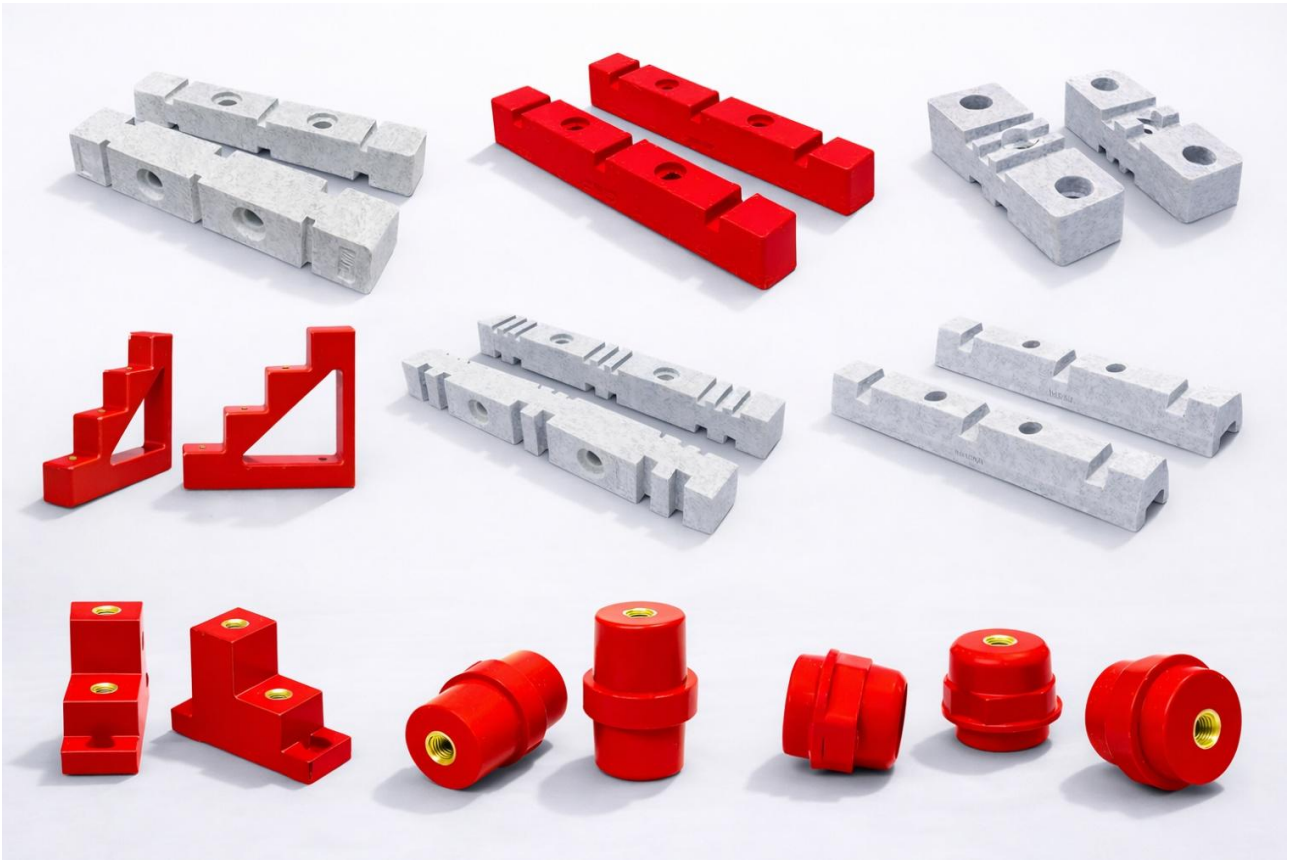

1. OVERVIEW/ TỔNG QUAN

- ✓ MASTER Busbar Insulators are designed for low-voltage switchboards to securely support and insulate copper busbars in industrial power distribution systems./ Gối đỡ thanh cái MASTER được thiết kế cho tủ điện hạ thế, dùng để cố định và cách điện thanh cái đồng trong các hệ thống phân phối điện công nghiệp.
- ✓ Manufactured from high-performance BMC composite material, the products comply with IEC 60439-1, IEC 61439-1 and IEC 60695-2, ensuring high dielectric strength, mechanical durability, and thermal resistance./ Sản phẩm được chế tạo từ vật liệu composite BMC cao cấp, phù hợp các tiêu chuẩn IEC 60439-1, IEC 61439-1 và IEC 60695-2, đảm bảo khả năng cách điện cao, chịu lực tốt và ổn định nhiệt.
- ✓ With a wide range of configurations, high voltage withstand capability, and stable performance under harsh conditions, MASTER insulators are an ideal solution for panel builders, and modern low-voltage switchgear systems./ Với nhiều kiểu dáng và dải thông số đa dạng, gối đỡ MASTER là lựa chọn tối ưu cho nhà sản xuất tủ điện và các hệ thống phân phối điện hạ thế hiện đại yêu cầu chất lượng chuẩn quốc tế.

2. SM series

2.1 Specification technical/ Thông số kĩ thuật

Material/ Vật liệu	BMC (Bough Moulding Compound)/ BMC (Hỗn hợp Composite dạng tấm)
Votage insulation/ Điện áp cách điện	1000VAC/ 1500VDC
Voltage withstand (50Hz/ 1min.)/ Điện áp chịu đựng (50Hz/ 1 phút)	from 5KV up to 25KV/ Từ 5KV đến 25KV
Operating temperature/ Nhiệt độ làm việc	from -40°C up to + 140°C/ Từ -40°C đến 140°C
Complete with/ Tương tích với tiêu chuẩn	IEC 60439-1, IEC 61439-1, IEC 60695-2

2.2 Basic data/ Thông số cơ bản

SM-20

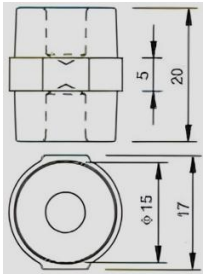

Tensile strength (LBS)/ Lực kéo	300
Voltage withstand (KV) / Điện áp chịu đựng	5
Torgue strength (FT LBS)/ Lực siết	4
Screw size (mm)/ kích thước vít	5
Screw depth (mm)/ Chiều sâu vít	7

SM-25

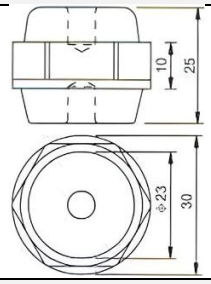

Tensile strength (LBS)/ Lực kéo	500
Voltage withstand (KV) / Điện áp chịu đựng	6
Torgue strength (FT LBS)/ Lực siết	6
Screw size (mm)/ kích thước vít	6
Screw depth (mm)/ Chiều sâu vít	9

SM-30

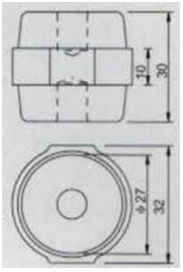

Tensile strength (LBS)/ Lực kéo	550
Voltage withstand (KV) / Điện áp chịu đựng	8
Torgue strength (FT LBS)/ Lực siết	8
Screw size (mm)/ kích thước vít	6
Screw depth (mm)/ Chiều sâu vít	11

SM-35

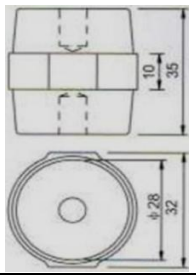

Tensile strength (LBS)/ Lực kéo	600
Voltage withstand (KV) / Điện áp chịu đựng	10
Torgue strength (FT LBS)/ Lực siết	10
Screw size (mm)/ kích thước vít	8
Screw depth (mm)/ Chiều sâu vít	11

SM-40

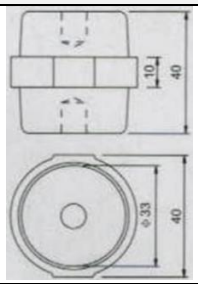

Tensile strength (LBS)/ Lực kéo	650
Voltage withstand (KV) / Điện áp chịu đựng	12
Torgue strength (FT LBS)/ Lực siết	12
Screw size (mm)/ kích thước vít	8
Screw depth (mm)/ Chiều sâu vít	11

SM-51

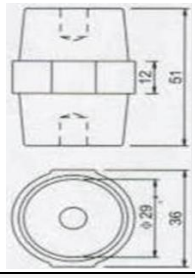

Tensile strength (LBS)/ Lực kéo	1000
Voltage withstand (KV) / Điện áp chịu đựng	15
Torgue strength (FT LBS)/ Lực siết	20
Screw size (mm)/ kích thước vít	8
Screw depth (mm)/ Chiều sâu vít	14

SM-60

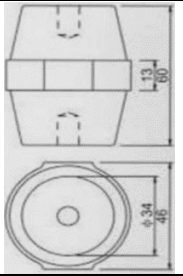

Tensile strength (LBS)/ Lực kéo	1200
Voltage withstand (KV) / Điện áp chịu đựng	15
Torgue strength (FT LBS)/ Lực siết	20
Screw size (mm)/ kích thước vít	8
Screw depth (mm)/ Chiều sâu vít	14

SM-76

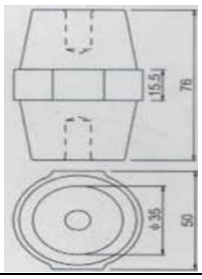

Tensile strength (LBS)/ Lực kéo	1500
Voltage withstand (KV) / Điện áp chịu đựng	20
Torgue strength (FT LBS)/ Lực siết	35
Screw size (mm)/ kích thước vít	10
Screw depth (mm)/ Chiều sâu vít	15

3. D series

3.1 Specification technical/ Thông số kĩ thuật

Material/ Vật liệu	BMC (Bough Moulding Compound)/ BMC (Hỗn hợp Composite dạng tấm)
Votage insulation/ Điện áp cách điện	1000VAC/ 1500VDC
Voltage withstand (50Hz/ 1min.)/ Điện áp chịu đựng (50Hz/ 1 phút)	from 5KV up to 25KV/ Từ 5KV đến 25KV
Operating temperature/ Nhiệt độ làm việc	from -40°C up to + 140°C/ Từ -40°C đến 140°C
Torgue strength/ Lực siết	7.3756 FTLBS
Complete with/ Tương tích với tiêu chuẩn	IEC 60439-1, IEC 61439-1, IEC 60695-2

3.2 Dimensions/ Kích thước

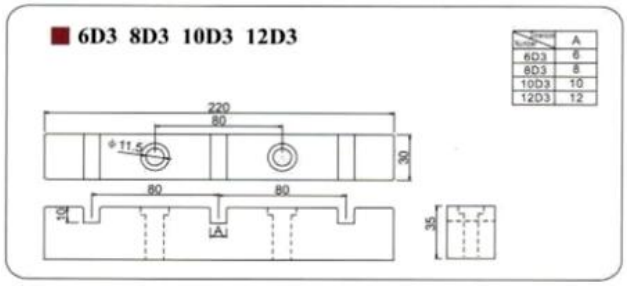

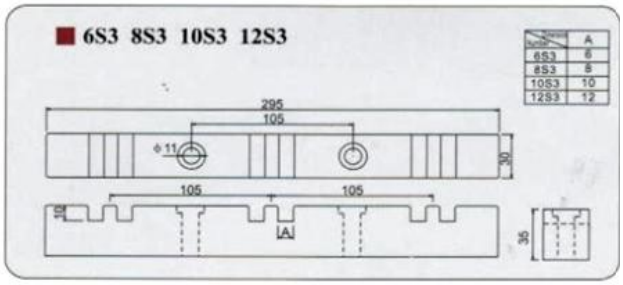

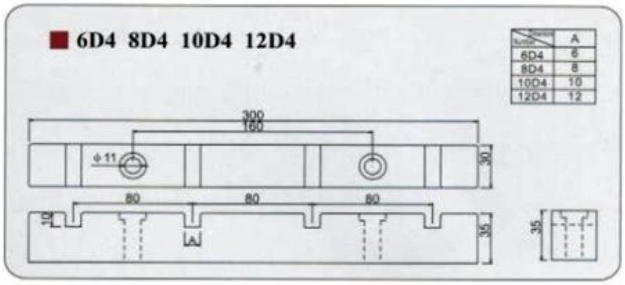

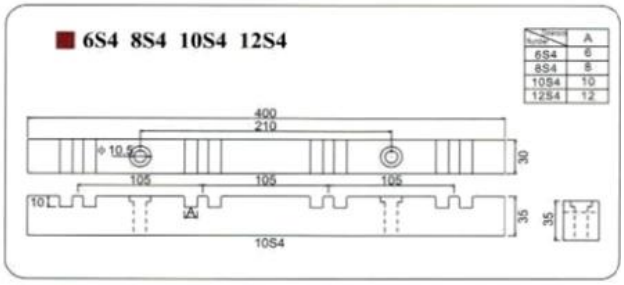

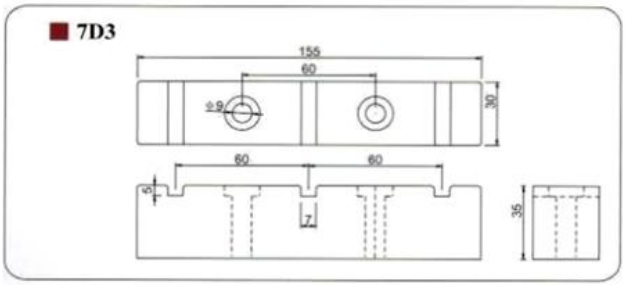

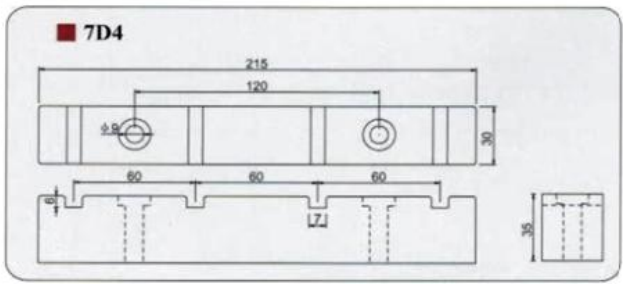

4. CT series

4.1 Specification technical/ Thông số kĩ thuật

Material/ Vật liệu	BMC (Bough Moulding Compound)/ BMC (Hỗn hợp Composite dạng tấm)
Votage insulation/ Điện áp cách điện	1000VAC/ 1500VDC
Voltage withstand (50Hz/ 1min.)/ Điện áp chịu đựng (50Hz/ 1 phút)	from 5KV up to 25KV/ Từ 5KV đến 25KV
Operating temperature/ Nhiệt độ làm việc	from -40°C up to + 140°C/ Từ -40°C đến 140°C
Torgue strength/ Lực siết	6 FTLBS
Complete with/ Tương tích với tiêu chuẩn	IEC 60439-1, IEC 61439-1, IEC 60695-2

4.2 Dimensions/ Kích thước

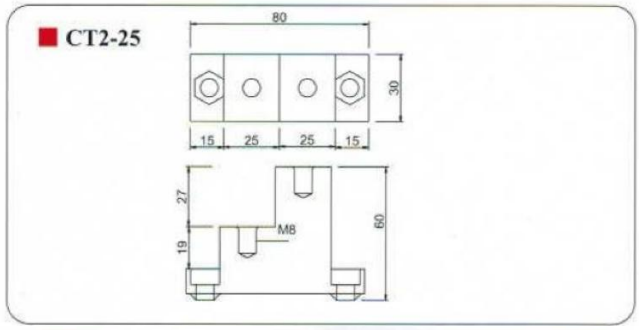

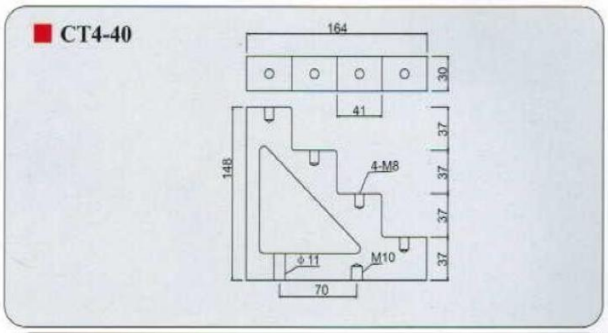

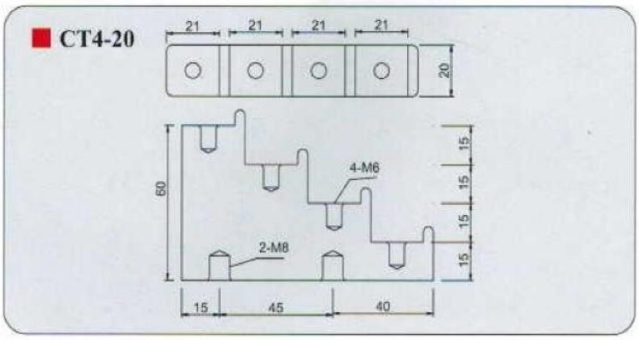

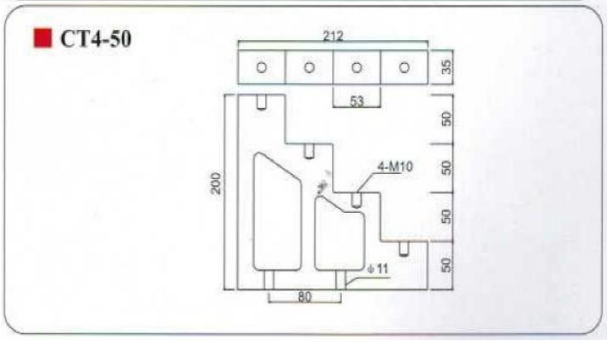

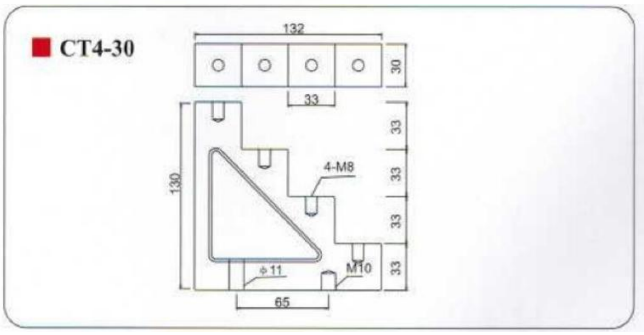

5. EL series

5.1 Specification technical/ Thông số kĩ thuật

Material/ Vật liệu	BMC (Bough Moulding Compound)/ BMC (Hỗn hợp Composite dạng tấm)
Votage insulation/ Điện áp cách điện	800VAC
Voltage withstand (50Hz/ 1min.)/ Điện áp chịu đựng (50Hz/ 1 phút)	From 5KV up to 25KV/ Từ 5KV đến 25KV
Operating temperature/ Nhiệt độ làm việc	From -40°C up to + 140°C/ Từ -40°C đến 140°C
Torgue strength/ Lực siết	7.3756 FTLBS
Complete with/ Tương tích với tiêu chuẩn	IEC60439-1, IEC61439-1, IEC60695-2

5.2 Dimensions/ Kích thước

❖ EL-100

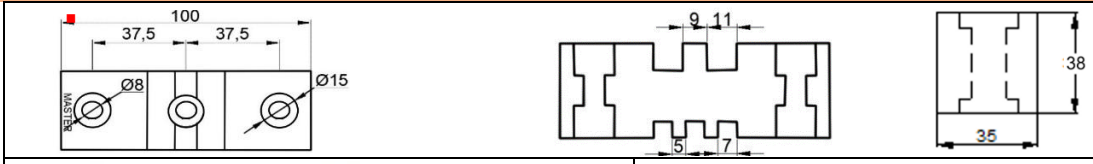

❖ EL-130

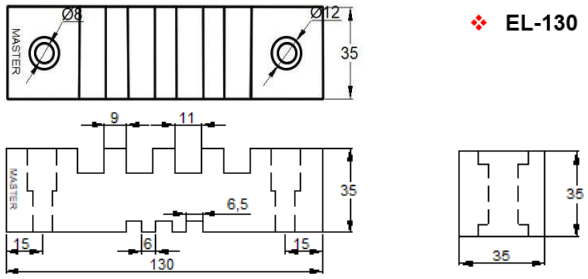

❖ EL-270

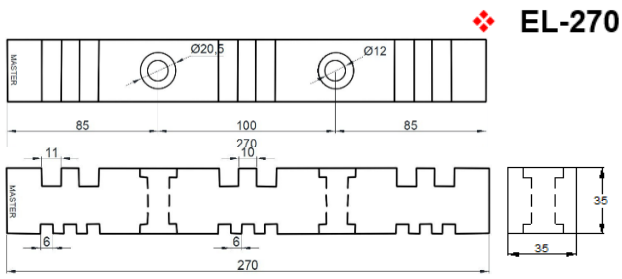

❖ EL-180_7

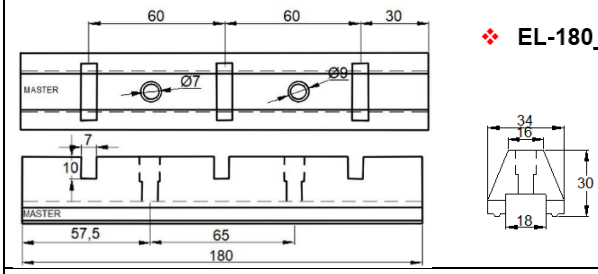

❖ EL-295 3P

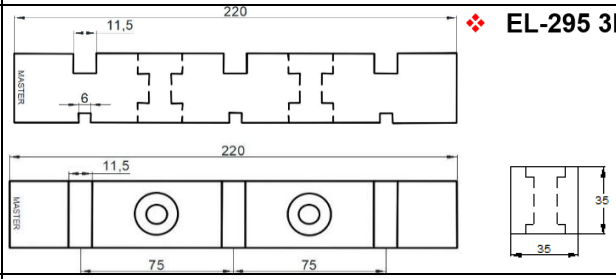

❖ EL-180_11

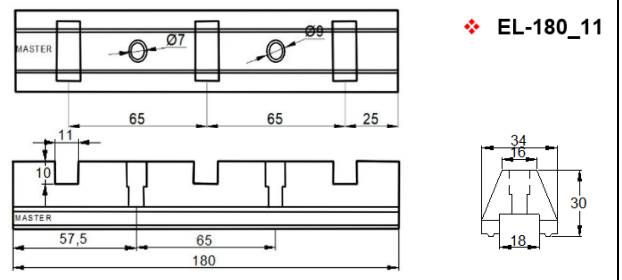

❖ EL-295

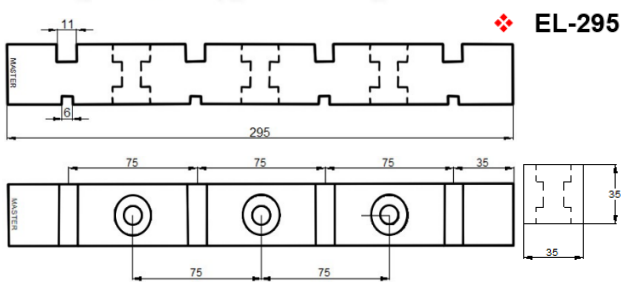

❖ EL-210

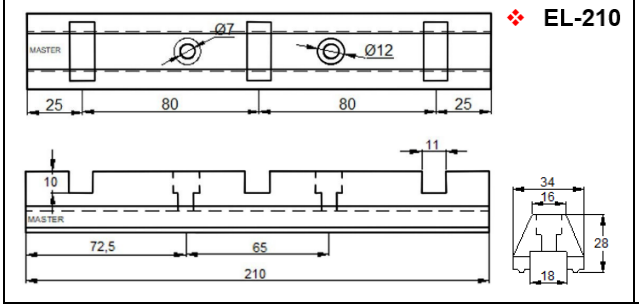
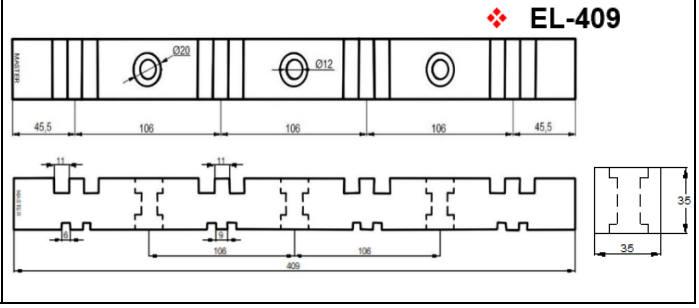
❖ EL-409